

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐẮK MIL

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐẮK MIL

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Xuân	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng tự đánh giá	
2	Hồ Thanh Hiền	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng tự đánh giá	
3	Phan Minh Đức	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng tự đánh giá	
4	Bùi Văn Thường	Giáo viên	Thành viên	
5	Phan Quốc Quang	Thư ký hội đồng	Thành viên	
6	Phạm Thị Thanh Bình	Văn thư - Thủ quỹ	Thành viên	
7	Trần Trọng Nghĩa	Bí thư đoàn TN	Thành viên	
8	Nguyễn Thị Loan	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
9	Võ Văn Quốc Thịnh	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
10	Nguyễn Duy Đán	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
11	Hoàng Văn Nghê	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
12	Nguyễn Thị Loan	Tổ trưởng văn phòng	Thành viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	01
Danh mục các chữ viết tắt	04
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	05
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	07
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	17
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	17
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	19
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	20
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Lớp học	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	25
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	26
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	27
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	29
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	30
Tiêu chuẩn 2 : Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	31
Mở đầu	31

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	31
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	33
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	34
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	37
Tiêu chuẩn 3 : Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	38
Tiêu chí 3.2: Phòng học	39
Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị	41
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	42
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	43
Tiêu chí 3.6: Thư viện	45
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	46
Tiêu chuẩn 4 : Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	47
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	49
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	51
Tiêu chuẩn 5 : Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	51
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	53
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	55

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	56
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	57
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	59
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	61
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	61
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	63

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.
2	CMHS	Cha mẹ học sinh
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	CSVC	Cơ sở vật chất
5	ĐDDH	Đồ dùng dạy học
6	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
7	CBQL, GV, NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
8	GVBM	Giáo viên bộ môn
9	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
10	HS	Học sinh
11	PPDH	Phương pháp dạy học
12	TĐG	Tự đánh giá
13	THPT	Trung học phổ thông
14	THCS	Trung học cơ sở
15	TCM	Tổ chuyên môn

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				

Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐẮK MIL

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK NÔNG	Họ và tên HT	Nguyễn Xuân
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Đắk Mil	Điện thoại	02613705234
Xã / phường/thị trấn	Thị Trấn Đắk Mil	Fax	
Đạt CQG	Đạt mức 1	Website	http://c3dakmil.daknong.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1982	Số điểm trường	0
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
Khối lớp 10	9	10	10	10	9
Khối lớp 11	10	8	9	9	10
Khối lớp 12	9	10	7	8	9
Cộng	28	28	26	27	28

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

T T	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	36	36	36	36	36	
1	Phòng học	28	28	28	28	28	
a	Phòng kiên cố	23	23	23	23	23	
b	Phòng bán kiên cố	5	5	5	5	5	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	8	8	8	8	8	
a	Phòng kiên cố	6	6	6	6	6	
b	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	

c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	3	3	3	3	3	
a	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	
b	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	8	8	8	8	8	
1	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	

IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	1	1	1	1	1	
	Cộng	46	46	46	46	46	

3. Cán bộ quản lý, GV, NV

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
HT	1	0	0	0	1	0	
PHT	2	0	0	0	0	2	
GV	63	42	4	0	55	8	
NV	6	5	0	0	6	0	
Cộng	72	47	4	0	62	10	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

T	T	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022
1		Tổng số GV	64	64	61	62	63
2		Tỷ lệ GV/lớp	2.28	2.28	2.34	2.29	2.25
3		Tỷ lệ GV/HS	0.06	0.06	0.06	0.05	0.05

4	Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	25	15	18	15	12
5	Tổng số GV dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	15	0	0	0	6
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Ghi chú
1	Tổng số HS	1099	1062	1053	1145	1156	
	- Nữ	671	620	593	632	640	
	- Dân tộc	45	53	51	48	46	
	- Khối lớp 10	352	380	398	411	390	
	- Khối lớp 11	375	307	358	380	394	
	- Khối lớp 12	372	375	297	354	372	
2	Tổng số tuyển mới	350	380	400	430	400	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	0	0	0	0	0	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số HS/lớp	39	38	41	42	42	

7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Nữ	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Dân tộc thiểu số	100%	100%	100%	100%	100%	
8	Tổng số HS giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	0	0	0	0	0	
9	Tổng số HS giỏi cấp quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	02	
10	Tổng số HS thuộc đối tượng chính sách	53	40	36	14	17	
	- Nữ	27	17	28	9	12	
	- Dân tộc thiểu số	6	6	5	3	3	
11	Tổng số HS (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Tổng số HS (trẻ em)	0	0	0	0	0	

	khuyết tật, hoà nhập						
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Ghi chú
Tỷ lệ HS xếp loại giỏi	15.2	15.3	15	13.8	18.3	
Tỷ lệ HS xếp loại khá	51.7	47.3	50.6	45.2	51	
Tỷ lệ HS xếp loại trung bình	31.2	35.2	33.7	35.7	28.5	
Tỷ lệ HS xếp loại yếu, kém	1.91	2.26	0.66	5.3	2.2	
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm tốt	90.72	91.72	91.5	83.9	88.4	
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá	8.74	8	8.36	14.5	11.2	
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm trung bình	0.55	0.19	0.19	1.5	0.3	
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm yếu	0	0	0	0.1	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tổng quan về nhà trường

Trường THPT Đắk Mil được thành lập từ ngày 22 tháng 7 năm 1982 theo Quyết định số 320/QĐ-UB ngày 22/07/1982 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Trường được xây dựng trên địa bàn trung tâm thị trấn Đắk Mil. Qua quá trình hình thành và phát triển, được sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Lắk nay là tỉnh Đắk Nông và chính quyền các cấp, cùng với sự cố gắng của đội ngũ CBQL, GV, NV, các bậc phụ huynh và các thế hệ HS nhà trường đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng so với các trường trong toàn huyện và tỉnh. Tính đến năm học 2021 - 2022, trường có 28 lớp với gần 1156 HS. trong đó có 640 em là nữ. Có 46 em HS là con em đồng bào dân tộc thiểu số; đội ngũ CBQL, GV, NV gồm 72 người. Trong đó bao gồm:

- CBQL: 03 người.

- GV: 63 người.

- NV: 6 người. CBQL, GV: 100% đạt chuẩn, trong đó trình độ thạc sĩ: có 02 CBQL, 08 GV và 01 GV đang theo học lớp thạc sĩ.

Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã và đang góp phần thiết thực vào sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, làm nên diện mạo mới cho giáo dục địa phương và ngày càng khẳng định vai trò, vị trí của mình, trở thành điểm sáng trong giáo dục của tỉnh Đắk Nông. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ GV tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm, đội ngũ GV tích cực tham gia các Hội thi do các cấp tổ chức và đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận. Trong các phong trào thi đua yêu nước, nhà trường đã có CB - GV- NV được công nhận danh hiệu CSTĐ các cấp.

Được sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT tỉnh Đắk Nông, sự quan tâm của chính quyền địa phương với sự cố gắng phấn đấu của đội ngũ CBQL, GV, NV, CMHS và các em HS, trường THPT Đắk Mil đã không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục qua từng năm học, CSVC nhà trường ngày một khang trang đáp ứng được nhu cầu học tập của con em trên địa bàn. Năm học 2021- 2022 nhà trường có đủ phòng học, phòng học bộ môn, phòng làm việc và thiết bị phục vụ dạy học, thư viện có số đầu sách đa dạng, phong phú.

Trong các năm học qua, nhà trường đều có HS đạt giải HS giỏi cấp tỉnh, cấp Quốc gia (*các môn thi qua mạng*), tỉ lệ đỗ tốt nghiệp THPT luôn đạt trên mức bình quân chung của tỉnh.

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức chính trị, đoàn thể: Đảng bộ có 43 đảng viên giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện các hoạt động. Tổ chức Công đoàn có 72 công đoàn viên. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 965 đoàn viên. Ban đại diện CMHS nhà trường gồm 7 người. Các tổ chức đều hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Tiếp tục thực hiện các cuộc vận động lớn của ngành như: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực”, “Tăng cường ứng dụng CNTT”, “Đổi mới quản lý nâng

cao chất lượng giáo CBQL, GV, tích cực ứng dụng CNTT nhằm đổi mới PPDH, đổi mới kiểm tra đánh giá đối với HS. Đầu tư xây dựng CSVC, trang bị các thiết bị, ĐDDH nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy. Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm luôn được nhà trường đặc biệt quan tâm. Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được phát huy hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Đáp ứng với sự kỳ vọng của Đảng bộ và chính quyền địa phương, sự tin yêu của nhân dân trên địa bàn, trong các năm học qua nhà trường đã thực hiện nghiêm túc Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ GD&ĐT, Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT, từ năm học 2019 – 2020 nhà trường đã thực hiện TĐG theo Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Nhà trường xác định, trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giáo dục luôn giữ vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế tri thức. Chính vì vậy, cùng với việc đổi mới nội dung, PPDH, đổi mới kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ GV, tăng cường CSVC phục vụ dạy và học, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác TĐG chất lượng giáo dục qua đó xác định đúng thực trạng, điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí để có kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của nhà trường trong tình hình mới.

Từ năm 2017 đến năm 2022, nhà trường đã từng bước hoàn thiện về CSVC, chất lượng đội ngũ nhà giáo, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao và khẳng định là một trong những trường dẫn đầu của tỉnh Đắk Nông, thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện học vấn THPT cho HS trên địa bàn huyện Đắk Mil. Trong 5 năm qua, tập thể sư phạm nhà trường được đánh giá 04 năm đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến (2017-2018, 2019-2020, 2020 – 2021, 2021 - 2022) và 01 năm hoàn thành nhiệm vụ (2018 – 2019).

1. Điểm mạnh

Đội ngũ CBQL, GV, NV cơ bản đủ về số lượng, cơ cấu và đang từng bước nâng cao về chất lượng.

Đảng bộ trường có 04 chi bộ trực thuộc với 43 đảng viên, có tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và 04 TCM, 01 tổ văn phòng.

Số lượng, chất lượng HS các năm được duy trì ổn định, được biên chế 28 lớp, đa số HS có ý thức, có cố gắng vươn lên trong học tập và rèn luyện.

CSVC:

- Tổng diện tích mặt bằng: 20.888 (m²)
- Phòng học: 28 phòng.
- Phòng thí nghiệm: 03 phòng.
- Phòng học Tin học: 03

- Phòng học Lab: 02
- Phòng thư viện: 01 phòng
- Nhà đa năng: 01 phòng.
- Sân chơi, bãi tập, các công trình vệ sinh, điện, nước sạch đảm bảo cho hoạt động dạy và học.
- Có khu ở của tập thể GV kiên cố đáp ứng nhu cầu cho GV - NV nhà trường.

2. Điểm yếu

CSVC: Các khối công trình được xây dựng lâu năm, không đồng bộ, một số thiết bị phục vụ cho giảng dạy đã xuống cấp, nguồn ngân sách đầu tư để xây dựng, mua sắm, sửa chữa còn hạn chế.

Ngân sách cấp hàng năm chưa đáp ứng để trang bị thêm CSVC, trang thiết bị để phục vụ đổi mới giáo dục.

Chất lượng HS: Chất lượng đầu vào chưa cao, một số ít HS ý thức học tập, rèn luyện chưa cao.

Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp; kinh tế - xã hội hai năm gần đây có nhiều biến động: giá cả nông sản xuống thấp; đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, còn một số phụ huynh chưa thường xuyên phối hợp với nhà trường để giáo dục con em mình.

II. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của việc TĐG cơ sở giáo dục là nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chí do Bộ GD&ĐT ban hành; xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường, thông báo công khai với các cơ quan quản lý và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục; để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục từ đó duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Tham mưu cấp trên đầu tư và đồng thời huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

III. Quy trình tự đánh giá

- Thành lập Hội đồng TĐG.
- Lập kế hoạch TĐG.
- Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Viết báo cáo TĐG.
- Công bố báo cáo TĐG.
- Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

IV. Phạm vi, phương pháp tự đánh giá

Về phương pháp: Thực hiện theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018, của Bộ GD&ĐT, Hướng dẫn 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Đề báo cáo TĐG đảm bảo tính chính xác, khoa học, khách quan, Hội đồng TĐG đã tiến hành thu thập minh chứng bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chú trọng việc khảo sát thực tế và các hoạt động của nhà trường liên quan đến bộ 28 tiêu chí.

V. Công cụ tự đánh giá

Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018, của Bộ GD&ĐT. Hướng dẫn 5932/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

VI. Kết quả tự đánh giá

Những vấn đề nổi bật trong báo cáo TĐG là báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn, mỗi tiêu chí đều được mô tả rõ ràng, cụ thể về thực trạng của nhà trường, sau khi mô tả báo cáo đã đề cập đến điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường, từ việc phân tích điểm yếu Hội đồng TĐG đã thống nhất đưa ra kế hoạch cải tiến chất lượng phù hợp với điều kiện nhà trường và có tính khả thi cao.

Sau đây là phần đánh giá chi tiết 5 tiêu chuẩn với 28 tiêu chí cho năm học 2021- 2022. Hội đồng TĐG chất lượng giáo dục thống nhất đánh giá: 5 tiêu chuẩn; 28 tiêu chí, các chỉ số đều đạt mức 1 và 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường THPT Đák Mil có đủ cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường phổ thông. Nhà trường có đủ biên chế và 100% GV đạt chuẩn và trên chuẩn. Phương hướng, chiến lược xây dựng nhà trường; công tác tổ chức, quản lý trường học; quản lý tài chính, tài sản; quy chế dân chủ luôn được thực hiện tốt; an ninh trật tự, an toàn trường học được đảm bảo. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội đồng trường, các đoàn thể, các tổ chức khác trong nhà trường và tổ chuyên môn hoạt động có nề nếp; cán bộ quản lý có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng GD&ĐT, sở GD&ĐT.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, phù hợp với thực tiễn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01], [H1-1.1-02]

b) Văn bản phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng chiến lược được công bố công khai bằng hai hình thức: niêm yết tại nhà trường và đăng tải trên website của nhà trường. [H1-1.1-02]

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển, có đầy đủ các nội dung về các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển và được ghi trong các báo cáo sơ kết, tổng kết; trong sổ nghị quyết từng năm học. [H1-1.1-03], [H1-1.1-04], [H1-1.1-05]

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường rà soát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, đã tiến hành rà soát, bổ sung và xây dựng Chiến lược phát triển GD&ĐT giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Trong quá trình tổ chức xây dựng chiến lược phát triển, nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng, cán bộ quản lý, GV, NV. [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Các mục tiêu trong chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương đã được phê duyệt. Nhà trường công bố công khai và thường xuyên có những giải pháp giám sát thực hiện. Mục tiêu phát triển giáo dục hàng năm của nhà trường được cụ thể hóa theo mục tiêu chiến lược đã đề ra.

3. Điểm yếu

Một số nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển chưa chi tiết, cụ thể nên tính khả thi chưa cao. Việc rà soát, bổ sung kế hoạch còn thiếu chiều sâu, việc tổ chức xây dựng kế hoạch chưa có sự tham gia góp ý kiến của đông đảo HS, cha mẹ HS và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021 -2022 và những năm học tiếp theo, Hội đồng trường và HT tăng cường hơn nữa việc điều chỉnh chiến lược đảm bảo tính chi tiết, cụ thể để tăng tính khả thi trong việc thực hiện phương hướng, chiến lược đã xây dựng nhằm phát triển nhà trường.

Thực hiện tốt việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp đông đảo từ HS, cha mẹ HS và cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường THPT Đắc Mil được thành lập theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Điều lệ trường trung học); Hội đồng Thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật, các Hội đồng tư vấn được thành lập theo quy định tại Điều 12 Điều lệ trường trung học [H1-1.2-01].

b) Căn cứ vào Quyết định thành lập, các Hội đồng hoạt động với các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường trung học. [H1-1.2-01], [H1-1.2-02]

c) Các hoạt động được rà soát định kỳ, kiểm tra đánh giá. Sau khi xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch hoạt động này đều được rà soát, đánh giá và báo cáo. [H1-1.2-03], [H1-1.2-04].

Mức 2:

Các Hội đồng được thành lập đã hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Các kế hoạch hoạt động được xây dựng và triển khai kịp thời đến tất cả các CBQL, GV, NV và HS trong toàn trường. Các phong trào thi đua, đợt thi đua đều được hội đồng thi đua triển khai đến toàn thể CBQL, GV, NV và HS trong toàn trường. Sau các đợt thi đua, các phong trào thi đua, hội đồng thi đua khen thưởng đều có tổng kết, đánh giá và ra các quyết định khen thưởng kịp thời. Cuối mỗi học kì, mỗi năm những tập thể và cá nhân tiêu biểu được ghi nhận và

vinh danh trong các báo cáo sơ kết và báo cáo tổng kết, sổ truyền thống của nhà trường trong các năm học [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Các hội đồng của nhà trường hoạt động có hiệu quả góp phần thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường.

Thành viên hội đồng được lựa chọn là các đồng chí có năng lực, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm.

3. Điểm yếu

Các kế hoạch đôi lúc chưa được triển khai chưa kịp thời; việc kiểm tra, rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm trong việc triển khai các kế hoạch có hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo cần định kỳ rà soát và lên kế hoạch hoạt động của các hội đồng kịp thời và có hiệu quả hơn. Chú trọng nâng cao chất lượng thành viên của các hội đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có tổ chức Công đoàn hoạt động theo Luật Công đoàn. Ngay từ đầu mỗi nhiệm kỳ, Công đoàn nhà trường đã tiến hành Đại hội và được Công đoàn ngành Giáo dục ra Quyết định công nhận BCH Công đoàn nhà trường [H1-1.3-02] .

Nhà trường có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh theo Điều lệ. Đầu mỗi năm học, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường đã tiến hành Đại hội và được Huyện Đoàn Đắk Mil ra Quyết định công nhận. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường THPT Đắk Mil có 28 chi đoàn. [H1-1.3-03].

b) Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có kế hoạch hoạt động theo từng năm học. Thường xuyên có báo cáo kết quả triển khai các hoạt động với Công đoàn ngành và BCH Huyện đoàn Đắk Mil [H1-1.3-06] [H1-1.3-07] [H1-1.3-08].

c) Các hoạt động của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được rà soát, đánh giá định kỳ thông qua báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết hằng năm [H1-1.3-06] [H1-1.3-07] [H1-1.3-08] [H1-1.3-10] [H1-1.3-11] [H1-1.3-12] [H1-1.3-13]

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng bộ trường THPT Đắk Mil, trong đó có 04 chi bộ trực thuộc, tất cả đều hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-01]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Đảng bộ nhà trường có 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-09], [H1-1.3-13].

b) Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường được cấp trên ghi nhận, khen thưởng [H1-1.3-13] .

Mức 3:

a) Từ năm 2018 đến nay, Đảng bộ nhà trường được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Trong đó, có 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ và 01 năm hoàn xuất sắc nhiệm vụ. [H1-1.3-13]

b) Trong 5 năm qua, các đoàn thể, tổ chức khác của nhà trường có đóng góp hiệu quả được các cấp có thẩm quyền ghi nhận, khen thưởng. [H1-1.3-13]

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường đã hoạt động hiệu quả, chất lượng góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Các kế hoạch được triển khai kịp thời, cụ thể, có kiểm tra, rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm, được cấp trên ghi nhận khen thưởng, đánh giá cao.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm đôi lúc chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu để nâng cao chất lượng giáo dục hơn nữa.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: HT, PHT, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có HT, số lượng PHT theo quy định;

- b) TCM và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) TCM, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, TCM đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của TCM, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của TCM, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) TCM thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường THPT Đắk Mil là trường hạng I, theo quy định lãnh đạo nhà trường có 01 HT và 02 PHT, hiện nay đã có đủ số lượng theo quy định. HT được điều động và bổ nhiệm vào tháng 01 năm 2020; các PHT được bổ nhiệm theo đúng quy định [H1-1.4-01].

b) TCM và tổ văn phòng được thành lập và có cơ cấu theo quy định. TCM theo quy định tại Điều 14, Điều lệ trường trung học; tổ Văn phòng theo quy định tại Điều 15, Điều lệ trường trung học [H1-1.4-02].

c) Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch hoạt động của nhà trường, các TCM và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần. Kế hoạch hoạt động thể hiện rõ nhiệm vụ chung và nhiệm vụ đặc trưng của từng tổ. Kế hoạch xây dựng của từng tổ chuyên môn và tổ văn phòng được căn cứ theo nhiệm vụ được quy định tại Điều 14 và Điều 15, Điều lệ trường trung học [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả giáo dục, dựa trên nhu cầu thực tế của nhà trường, các TCM đã đề xuất và xây dựng và thực hiện ít nhất một chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-04]

b) Hoạt động của các TCM và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế [H1-1.4-05].

Mức 3:

a) TCM, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường [H1-1.4-06].

b) TCM thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

HT, các PHT và các Tổ trưởng TCM, tổ văn phòng đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Trong đó, có 02/03 cán bộ quản lý và 03/4 Tổ trưởng TCM đạt trình độ thạc sĩ.

Các TCM đã xây dựng kế hoạch tổ chức và thực hiện các chuyên đề chuyên môn đáp ứng được nhu cầu của tổ. Tổ văn phòng thực hiện tốt nhiệm vụ đã giúp các hoạt động của nhà trường được tiến hành đồng bộ và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt chuyên môn chưa thực sự đa dạng về nội dung và hình thức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho CBQL, GV, NV nâng cao trình độ; đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt TCM để nâng cao chất lượng dạy học hơn nữa.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) HS được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số HS trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp THCS và THPT có không quá 40 (bốn mươi) HS, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) HS (nếu có). Số HS trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các lớp của cấp THPT với hơn 1156 HS, được biên chế thành 28 lớp [H1-1.5-01], [H1-1.5-05].

b) HS các lớp được tổ chức theo lớp học, theo quy định của Điều 16, Điều lệ trường trung học. Mỗi lớp có lớp trưởng, 02 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu mỗi năm học [H1-1.5-02], [H1-1.5-04].

c) Lớp học được hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ [H1-1.5-03], [H1-1.5-04], [H1-1.5-05].

Mức 2:

Nhà trường có 28 lớp (không quá 45 lớp theo quy định), sĩ số HS trong một lớp trung bình là 42 HS [H1-1.5-01], [H1-1.5-05].

Mức 3:

Trường có không quá 45 lớp, mỗi lớp có không quá 40 (bốn mươi) HS.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường có số lớp, số lượng HS ổn định; có cơ cấu, tổ chức lớp học đảm bảo theo quy định Điều lệ trường học.

3. Điểm yếu

Một số lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục ổn định số lượng lớp học, giảm số HS xuống mức 40 HS/lớp; nâng cao khả năng tự quản, dân chủ ở lớp học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường lưu trữ hồ sơ, văn bản đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ [H1-1.6-01].

b) Nhà trường lập dự toán, thực hiện chi tiêu, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản, công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản đúng theo quy định; nhà trường bổ sung các quy chế chi tiêu nội bộ, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-02], [H1-1.6-03], [H1-1.6-04], [H1-1.6-08].

c) Nhà trường thực hiện quản lý, sử dụng tài chính và tài sản hoàn toàn đúng mục đích và đạt hiệu quả cao trong phục vụ các hoạt động giáo dục [H1-1.6-02], [H1-1.6-03], [H1-1.6-04], [H1-1.6-05], [H1-1.6-06], [H1-1.6-07], [H1-1.6-08].

Mức 2:

a) Nhà trường ứng dụng CNTT hiệu quả vào công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường (nhà trường sử dụng hệ thống máy tính cho các phòng, kế toán, tài vụ, văn phòng; sử dụng phần mềm kế toán....) [H1-1.6-08].

b) Nhà trường được thanh tra, kiểm toán kết luận trong 05 năm liền không có vi phạm đến quản lý tài sản, tài chính, hành chính [H1-1.6-09], [H1-1.6-10].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Hồ sơ tài chính của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định; Công khai và định kì tự kiểm tra tài chính, tài sản đúng theo quy định;

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý hành chính như Gmail, Zalo, Ioffice; các phần mềm quản lý tài chính và tài sản của nhà trường thu được hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Một số GV thực hiện việc ghi chép sổ theo dõi về thiết bị thí nghiệm chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt, được tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong ghi chép sổ theo dõi thiết bị thí nghiệm, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục hơn nữa.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, GV và NV

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV;

b) Phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) CBQL, GV và NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV [H1-1.7-01].

b) Nhà trường phân công và sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động theo quy định [H1-1.7-02], [H1-1.7-03] [H1-1.7-07], [H1-1.7-08].

c) CBQL, GV và NV được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ trường trung học và văn bản hiện hành khác [H1-1.7-05], [H1-1.7-06].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp cụ thể để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-04], [H1-1.7-06], [H1-1.7-07].

CBQL, GV, NV được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, được tạo điều kiện để tham gia giảng dạy hoặc giáo dục HS; được hưởng đầy đủ tiền lương và phụ cấp theo quy định, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, chính sách và các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.7-05], [H1-1.7-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV, phân công sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả; thực hiện đầy đủ các quyền theo quy định đối với CBQL, GV, NV.

Nhà trường quan tâm đến chế độ chính sách và đảm bảo quyền lợi theo quy định chế độ hiện hành và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho CBQL, GV, NV công tác.

3. Điểm yếu

Việc học tập nâng cao trình độ tốn kém nhiều kinh phí nên GV chưa nhiệt tình tham gia các lớp cao học.

Một số GV trong diện quy hoạch chưa đi học lớp trung cấp chính trị.

Một số GV nữ trong tuổi sinh đẻ và nuôi con nhỏ nên việc tham gia học tập, bồi dưỡng thường xuyên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Bố trí công việc hợp lý để GV trong diện quy hoạch đều tham gia học trung cấp lý luận chính trị; tạo điều kiện tối đa về thời gian, kinh phí để GV tham gia học cao học nhiều hơn.

Vận động tuyên truyền GV có kế hoạch hợp lý bố trí thời gian học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tốt nhất.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm nhà trường đã xây dựng đầy đủ kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT Đắk Nông, kế hoạch đã bám sát chương trình giáo dục phổ thông, khi xây dựng luôn gắn liền với điều kiện thực tế của địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

b) Nhà trường đã tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đầy đủ, đúng phân phối chương trình và đảm bảo theo tiến độ hàng năm [H1-1.8-02], [H1-1.8-04].

c) Hàng tuần, hàng tháng, hàng năm nhà trường thường xuyên rà soát, đánh giá kế hoạch giáo dục đã thực hiện đồng thời triển khai các công việc giáo dục trong thời gian kế tiếp từ đó điều chỉnh kế hoạch giáo dục khoa học, kịp thời đảm bảo [H1-1.8-03].

Mức 2:

Trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường thường xuyên kiểm tra đánh giá đối với các hoạt động giáo dục và hàng năm được các cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao. Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý việc học thêm và ôn tập, phụ đạo HS lớp 12 thi tốt nghiệp, thực hiện theo đúng hướng dẫn quy định của ngành, GV đã thực hiện việc dạy thêm đúng theo quy định, hướng dẫn H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng các loại kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định, khoa học, có tính khả thi và phù hợp với điều kiện của địa phương cũng như điều kiện của nhà trường.

Thường xuyên kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh bổ sung và đề ra các biện pháp thực hiện tốt các kế hoạch giáo dục đã đề ra.

Công tác quản lý việc dạy thêm học thêm theo đúng quy định tại Thông tư số 17/2012-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, hướng dẫn của Sở GD&ĐT.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện các kế hoạch giáo dục như GDHN, NGLL còn gặp nhiều khó khăn vì địa phương không có các nhà máy, cơ sở sản xuất phù hợp cho công tác hoạt động tham quan học hỏi, trải nghiệm cho HS, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp. GV dạy GDQP-AN chưa được đào tạo chính quy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tới cần có kế hoạch phối hợp với phụ huynh để đưa HS tham quan, học hỏi, trải nghiệm ở khu vực, địa phương phù hợp.

Tạo điều kiện cho GV dạy GDQP-AN được đi học xong Đại học đúng với chuyên môn giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) CBQL, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm nhà trường đều tổ chức Hội nghị viên chức để toàn thể CBQL, GV, NV đều được tham gia thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, bàn và thảo luận đề ra các phương hướng thực hiện nhiệm vụ, các giải pháp để hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra, CBQL, GV, NV đều được tham gia đóng góp ý kiến cho các nội quy, quy định, quy chế liên quan đến hoạt động thông qua hội nghị đã thống nhất thành nghị quyết để thực hiện (theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành theo quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/03/2000 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT [H1-1.9-01], [H1-1.9-02], [H1-1.9-03], [H1-1.9-04].

b) Trong những năm qua những khiếu nại, tố cáo; kiến nghị, phản ánh của CBQL, GV, NV đều được nhà trường giải quyết đúng pháp luật, thông qua các cuộc họp giao ban, họp CBQL, GV, NV hàng tháng mọi kiến nghị, phản ánh đều được người đứng đầu cơ quan đưa ra trao đổi trước toàn thể hội đồng và đi đến thống nhất để thực hiện [H1-1.9-05], [H1-1.9-06].

c) Nhà trường thực hiện các báo cáo về Quy chế dân chủ cơ sở định kì đúng quy định và theo hướng dẫn của các văn bản chỉ đạo [H1-1.9-03], [H1-1.9-04], [H1-1.9-07].

Mức 2:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai quy chế dân chủ đồng thời đề ra các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Nhà trường và Công đoàn đã xây quy chế phối hợp và thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định [H1-1.9-01], [H1-1.9-02], [H1-1.9-03], [H1-1.9-04], [H1-1.9-05], [H1-1.9-06], [H1-1.9-07].

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường được phát huy hiệu quả, tất cả CBGVNV đều có thể tham gia vào xây dựng kế hoạch, bàn bạc trao đổi, đề ra các biện pháp để thực hiện, đồng thời giám sát việc thực hiện các hoạt động trong mọi lĩnh vực.

3. Điểm yếu

Mặc dù nhà trường đã thực hiện công khai minh bạch việc thực hiện dân chủ đầy đủ nhưng vẫn còn đơn thư, khiếu nại của GV.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, lắng nghe và giải quyết các vướng mắc của GV-NV ngay từ đầu một cách thoả đáng. Xử lý các trường hợp lợi dụng dân chủ gây mất đoàn kết nội bộ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho HS được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và HS trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) CBQL, GV, NV và HS được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; phòng chống dịch, bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực học đường. Đối nước uống cho HS nhà trường có giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-03], [H1-1.10-04], [H1-1.10-05].

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhà trường đã có kế hoạch, phương án, đề nghị Công an thị trấn Đắk Mil, công an huyện Đắk Mil phối hợp đảm bảo an toàn, an ninh trường học, bảo vệ điểm thi THPT Quốc gia/ thi Tốt nghiệp THPT, đảm bảo an ninh trật tự, hỗ trợ tuyên truyền an toàn giao thông, bảo vệ trong các hoạt động lớn của nhà trường [H1-1.10-01].

b) Nhà trường luôn có hộp thư góp ý, đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL, GV, NV và HS trong nhà trường [H1-1.10-06].

c) Trong nhà trường không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật và bình đẳng giới. Tổ chức tuyên truyền về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực học đường, xâm hại tình dục; phòng chống tai nạn thương tích và đuối nước; phòng chống tác hại của thuốc lá; phòng chống sốt xuất huyết; tuyên truyền chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên [H1-1.10-08], [H1-1.10-10].

Mức 2:

a) Nhà trường thường xuyên phổ biến, hướng dẫn cho tất cả CBQL, GV, NV và HS thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường [H1-1.10-01], [H1-1.10-02], [H1-1.10-07].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, xử lý thông tin biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự qua hòm thư góp ý và đường dây nóng. Khi phát hiện có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, mất an ninh trật tự luôn có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiện quả [H1-1.10-05], [H1-1.10-08], [H1-1.10-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV, luôn có phương án đảm bảo an ninh trật tự; tuyên truyền về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn, thương tích, an toàn phòng chống cháy, nổ, phòng chống dịch, bệnh, phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực học đường, trong những năm qua không xảy ra mất an toàn trong trường học.

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh, HS chưa mạnh dạn tố giác khi phát hiện các dấu hiệu liên quan đến tệ nạn xã hội, bạo lực học đường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy những điểm mạnh nêu trên nhằm thực hiện công tác đảm bảo an ninh trường học ngày một tốt hơn, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

1. Điểm mạnh

Công tác tổ chức và quản lý của nhà trường đúng theo Điều lệ trường THPT. Các tổ chức, bộ phận từ CBQL nhà trường đến các đoàn thể: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các hội đồng và các TCM, Văn phòng đều hoạt động rất đồng bộ. Trong quá trình hoạt động đều có sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực. Điều đó đã làm nên sức mạnh to lớn, tạo đà cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

2. Điểm yếu

Chiến lược phát triển nhà trường còn có nội dung chưa chi tiết, cụ thể nên tính khả thi chưa cao.

Nội dung, hình thức sinh hoạt TCM còn chưa phong phú và đa dạng; tính sáng tạo chưa cao.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 10/10 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 10/10 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 8/10 tiêu chí chiếm 80 %.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, NV và HS

Mở đầu:

Nhà trường đã xác định đây là tiêu chuẩn quan trọng, có tính chất quyết định kết quả hoạt động của mỗi CBQL, GV, NV, là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục của nhà trường. CBQL có trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn (*02/03 có trình độ thạc sĩ*), có kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo, năng động, nhiệt tình với tinh thần trách nhiệm cao. Đội ngũ GV, NV nhà trường có trình độ chuyên môn vững vàng, luôn nhiệt tình có tâm huyết với nghề, đến thời điểm hiện tại có 47 GV đạt GV dạy giỏi cấp tỉnh chiếm tỉ lệ 74,6% . Đa số HS chăm chỉ, chuyên cần trong học tập và rèn luyện, luôn thực hiện tốt nhiệm vụ. Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất cho các em trong học tập và rèn luyện, đồng thời được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi, chế độ theo quy định của Nhà nước, tạo sự công bằng trong giáo dục. HS đảm bảo đi học đúng độ tuổi. Đây là một trong những tiêu chuẩn mang tính quyết định trong sự phát triển của nhà trường.

Tiêu chí 2.1: Đối với HT, PHT

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn HT trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn HT ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được GV, NV trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn HT ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn HT ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có 01 HT, 02 PHT. HT và các PHT đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường trung học; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao; có năng lực tổ chức quản lí nhà trường, có sức khỏe đảm bảo công tác [H2-2.1-01].

b) HT, PHT được đánh giá đạt chuẩn theo Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GDĐT [H2-2.1-02].

c) HT, PHT phụ trách các lĩnh vực giáo dục tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do Sở GD&ĐT tổ chức như: tập huấn phần mềm quản lý giáo dục, đạo đức nhà giáo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, bồi dưỡng Chính trị hè, Nghị quyết Trung ương Đảng [H2-2.1-03]

Mức 2:

a) Lãnh đạo nhà trường có 5 năm liên tiếp (2018-2022) đạt chuẩn HT mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.1-02].

b) HT có bằng cao cấp lý luận chính trị và 02 PHT có bằng trung cấp lý luận chính trị. HT và 02 PHT hoàn thành lớp quản lý giáo dục và lớp ANQP đối tượng 3. Lãnh đạo nhà trường được GV, NV trong trường tín nhiệm cao qua việc đánh giá Chuẩn HT, viên chức quản lý vào cuối năm học. [H2-2.1-03], [H2-2.1-04]

c) Thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn, học tập Nghị quyết trung ương Đảng theo quy định hàng năm; được GV, NV trong trường tín nhiệm HS và phụ huynh tin tưởng [H2-2.1-03], [H2-2.1-04].

Trong 05 năm liên tiếp (2018-2022) HT, PHT được đánh giá đạt Chuẩn HT ở mức khá, tốt theo quy định [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp (2018-2022) HT, PHT được đánh giá đạt Chuẩn HT ở mức tốt theo quy định [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

HT và các PHT có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; có năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng được nhiệm vụ chính trị, yêu cầu đổi mới giáo dục, vị trí đang đảm nhiệm.

HT, PHT đều đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên, có nhiều năm công tác, đoàn kết, có trách nhiệm với công việc được giao, năng động, sáng tạo. Hàng năm, đều được xếp loại khá trở lên theo quy định; HT và các PHT được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục đầy đủ, đúng quy định, được cán bộ, GV, NV tín nhiệm, tin tưởng. Lãnh đạo có phương pháp quản lý khoa học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường.

3. Điểm yếu

Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong thực tiễn của lãnh đạo còn hạn chế. Trong 05 năm qua có sự luân chuyển cán bộ nên có những khó khăn nhất định trong công tác quản lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo lãnh đạo nhà trường tiếp tục tự học, tự rèn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như phẩm chất chính trị đạo đức, lối sống để quản lý nhà trường tốt hơn nữa nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục.

Thường xuyên học hỏi kinh nghiệm về công tác quản lý. Tích cực học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ quản lý. Tự học, tự nghiên cứu về công tác

quản lý, cải tiến, đổi mới phương pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với GV

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu GV đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho HS; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, GV có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu GV theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Tính đến tháng 09/2022, nhà trường có tổng số cán bộ, GV, NV là 72 người (03 CBQL; 63 GV; 06 NV) [H2-2.2-01], [H2-2.2-02].

b) Nhà trường có 100% GV có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên (trong đó có 8 GV đạt trình độ Thạc sĩ, chiếm 12,9%); 100% CBQL, GV, NV đạt chuẩn theo Điều lệ trường trung học; 100% GV được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên [H2-2.2-02], [H2-2.2-03].

c) Nhà trường có 25 GV hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV THPT hạng II; 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định và hàng năm được đánh giá từ mức đạt trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tỉ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo của trường luôn được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp mà trường đã xây dựng chiến lược phát triển [H2-2.2-02], [H2-2.2-04].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có trên 60% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên theo quy định chuẩn nghề nghiệp GV THPT [H2-2.2-03].

c) CBQL, GV nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Nhiều GV có khả năng hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học cấp tỉnh và đạt giải. Tập thể GV trường luôn thực hiện nghiêm túc nội quy đơn vị, quy định của ngành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-05].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có trên 80% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có trên 30% đạt mức tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp GV THPT [H2-2.2-03].

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có nhiều GV tham gia viết sáng kiến, nghiên cứu khoa học, hoàn thành chương trình thạc sĩ, tham gia các hội thi GV dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi cấp tỉnh, hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học có nhiều đề tài đạt giải cấp tỉnh [H2-2.2-05].

2. Điểm mạnh

Tỉ lệ GV đạt trình độ trên chuẩn chiếm tỉ lệ cao (12,7%), có kinh nghiệm giảng dạy nhiều năm và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Đa số GV năng động, đam mê chuyên môn, tích cực trong các hội thi cả về chuyên môn và các phong trào khác.

3. Điểm yếu

Còn có GV chưa chú trọng việc nâng cao năng lực chuyên môn và các hoạt động phong trào. Một số GV còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ và tin học ứng dụng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện tốt công tác kiểm tra đánh giá GV định kỳ hàng năm; kiểm tra, giám sát việc tự bồi dưỡng thường xuyên của GV.

Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua tự học, tự bồi dưỡng trong tập thể sư phạm nhà trường.

Xây dựng quy chế làm việc nhằm nâng cao chất lượng và đảm bảo tính công bằng về quyền và nghĩa vụ giữa các GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với NV

Mức 1:

- a) Có NV hoặc GV kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do HT phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu NV đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tính tại thời điểm tháng 05/2022, trường có 01 NV y tế trường học, 01 NV văn thư – thủ quỹ, 01 kế toán, 01 NV bảo vệ, 01 NV thiết bị, 01 NV thư viện. NV nhà trường có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (trong đó kế toán, thiết bị có trình độ Đại học) [H2-2.3-01], [H2-2.3-02]; NV luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước [H2-2.3-04].

b) NV nhà trường được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người (kế toán: 01, văn thư - thủ quỹ: 01, y tế: 01, thiết bị: 01, thư viện: 01, bảo vệ: 01) [H2-2.3-03].

c) NV nhà trường đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-04].

Mức 2:

a) Số lượng, cơ cấu NV hiện nay của nhà trường đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 [H2-2.3-01], [H2-2.3-02].

b) Trong 05 năm (2018-2022) liên tiếp tới thời điểm đánh giá nhà trường không có NV bị kỷ luật [H2-2.3-04].

Mức 3:

a) NV kế toán, văn thư, thủ quỹ, thư viện, y tế học đường; có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên theo chuyên môn được giao [H2-2.3-01].

b) NV nhà trường được bố trí tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-05].

2. Điểm mạnh

Tất cả NV được đào tạo chính quy từ trình độ trung cấp trở lên theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ, số lượng NV đầy đủ theo cơ cấu. Thái độ làm việc nghiêm túc, hiệu quả luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; Có năng lực chuyên môn đáp ứng được nhiệm vụ, vị trí đang đảm nhiệm.

3. Điểm yếu

Khả năng tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế, việc bố trí làm thay còn nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực của các NV kể cả bằng cấp và thực tiễn của công việc.

Trong kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của nhà trường cần có phần hỗ trợ, giúp đỡ bồi dưỡng nghiệp vụ cho NV đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Các nhân NV phải chủ động có kế hoạch tự học, tự rèn luyện bồi dưỡng nâng cao kiến thức bằng cách nghiên cứu tài liệu, truy cập thông tin trên Internet, trao đổi với các trường bạn trong và ngoài tỉnh để nắm chắc các nội dung, kiến thức để thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ được giao; tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn về trình độ theo yêu cầu.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với HS

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi HS theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

HS có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) HS trong trường đều đảm bảo độ tuổi theo Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01].

b) HS của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01].

c) HS được đảm bảo các quyền theo quy định tại của Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật [H2-2.4-02], [H2-2.4-03].

Mức 2:

Nhà trường luôn kết hợp chặt chẽ với Đoàn thanh niên và GVCN để phát hiện kịp thời các sai phạm của HS, từ đó có biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực [H2-2.4-05].

Mức 3:

Những HS có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện luôn thể hiện được vai trò đầu tàu gương mẫu, tích cực hỗ trợ các bạn trong mọi mặt. Từ đó hiệu quả trong các hoạt động của trường, lớp được tăng lên rõ rệt [H2-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Chất lượng tuyển sinh đầu vào được cải thiện và chất lượng đại trà, mũi nhọn của HS đang được nâng lên.

Đa số HS có ý thức học tập, kỷ luật tốt, có ý chí phấn đấu vươn lên trong học tập và rèn luyện để đạt được những thành tích cao.

HS luôn được đảm bảo quyền bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục, được học tập, vui chơi, phát huy năng khiếu bản thân và được đánh giá trung thực khách quan theo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Còn có HS vi phạm nội quy chưa được phát hiện, giáo dục kịp thời. Một số HS chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ của người học. Nhiều HS có hoàn cảnh khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy những điểm mạnh đã đạt được để chất lượng giáo dục đạt kết quả cao hơn nữa trong những năm tiếp theo. Nhà trường tiếp tục quan tâm triển khai việc bảo vệ các quyền của HS một cách đầy đủ.

Thực hiện tốt công tác phối hợp để huy động các nguồn lực nhằm động viên kịp thời HS, đặc biệt là những HS có hoàn cảnh khó khăn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

1. Điểm mạnh

CCBQL có phẩm chất chính trị tốt, có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý vững vàng, được tập thể Hội đồng sư phạm tín nhiệm.

Nhà trường có đội ngũ GV đủ về số lượng, cơ cấu đồng bộ, tỷ lệ đạt trên chuẩn cao, có đủ GV tất cả các bộ môn. Tỷ lệ đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá, tốt khá cao và được duy trì, phát triển hàng năm. Tập thể GV đoàn kết, nhiệt tình, có trình độ chuyên môn vững vàng, yêu nghề và có trách nhiệm cao trong công việc. NV có trình độ trung cấp trở lên theo đúng yêu cầu chuyên môn. Hàng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

HS đều đảm bảo quy định về độ tuổi, đa số thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định. Chất lượng giáo dục và rèn luyện của HS luôn ổn định và ngày một nâng cao.

2. Điểm yếu

Một số GV chưa nhiệt tình trong công tác bồi dưỡng HS giỏi và nghiên cứu khoa học.

Một số HS còn vi phạm nội quy, kết quả học tập còn hạn chế.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %

+ Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 3: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

CSVC và trang thiết bị dạy học là một trong những nguồn lực quan trọng để phát triển nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường đã có nhiều cố gắng trong việc huy động nhiều nguồn kinh phí để mua sắm, trang bị, tu sửa CSVC, thiết bị phục vụ cho các hoạt động giáo dục. Công tác sử dụng, bảo quản CSVC, trang thiết bị được chú trọng. Nhà trường thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, NV và HS trong việc giữ gìn, bảo vệ tài sản công và vệ sinh môi trường để nhà trường luôn xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Trường có diện tích đất rộng, khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển tên trường, tường rào bao quanh, có sân chơi, bãi tập theo quy định của Điều lệ trường trung học. Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, có bảng, bàn ghế cho GV, HS, trang thiết bị dạy học đủ về số lượng, đảm bảo quy cách, chất lượng theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế. Trường đã mua sắm trang thiết bị văn phòng thiết yếu phục vụ công tác quản lý, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường trung học. Các khu học tập, chức năng, làm việc trong trường được quy hoạch, bố trí hợp lý, khoa học. Công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, thu gom rác thải đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục. Thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của CBQL, GV, NV, HS, có hệ thống máy tính kết nối internet đảm bảo yêu cầu dạy học và quản lý nhà trường. Các thiết bị đồ dùng được quản lý và sử dụng thường xuyên, có hiệu quả. Khu sân chơi rộng, có cây xanh bóng mát. Khuôn viên trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu làm việc, học tập của GV và HS.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh.

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6\text{m}^2/\text{HS}$; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10\text{m}^2/\text{HS}$; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có khuôn viên nhiều cây xanh, thoáng mát, cảnh quan môi trường được vệ sinh thường xuyên sinh sạch sẽ, đảm bảo mô hình xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

b) Cổng trường và hàng rào xây dựng đúng quy định, thẩm mỹ. Trên cổng trường có biển tên trường, có bảng điện tử thuận tiện cho công tác tuyên truyền. Tường rào xây khung sắt bao quanh trường cao 2m [H3-3.1-02].

c) Khu sân chơi, bãi tập khá bằng phẳng gồm sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, nhà đa năng, các hố nhảy với các thiết bị được đầu tư đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao, giáo dục an ninh, quốc phòng và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường [H3-3.1-03].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục cho hơn 1000 HS và CBQL, GV, NV [H3-3.1-03].

Tổng diện tích đất nhà trường được giao quyền sử dụng hơn 2ha, trong đó khu sân chơi, bãi tập cho HS chiếm 16.948,2m², bình quân đạt trên 10m²/HS [H3-3.1-04].

Mức 3:

Tổng diện tích đất nhà trường được giao quyền sử dụng hơn 2ha, trong đó khu sân chơi, bãi tập cho HS chiếm 16.948,2m², bình quân đạt trên 10m²/HS [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đảm bảo có tường rào kiên cố bao quanh toàn bộ khuôn viên, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn đáp ứng yêu cầu tập luyện thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

CBQL, GV, NV và HS luôn quan tâm trong xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

3. Điểm yếu

Diện tích một số khu vực sân trường sau thời gian sử dụng lâu năm đã xuống cấp, ảnh hưởng đến hoạt động chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường có kế hoạch tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan chủ quản tạo điều kiện về kinh phí để đảm bảo khu sân chơi, bãi tập tốt hơn, sửa chữa nâng cấp sân trường đảm bảo an ninh, an toàn và đáp ứng việc tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3**Tiêu chí 3.2: Phòng học****Mức 1:**

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc HS, có bàn ghế của GV, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

- b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.
- c) Có văn phòng Đoàn, phòng thư viện và truyền thống.

Mức 2:

- a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập.
- b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS hoàn cảnh đặc biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 28 phòng học được trang bị đủ số lượng bàn, ghế HS phù hợp về kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc theo quy định tại Thông tư 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Có bàn ghế GV, bảng viết chống lóa đúng quy định, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, đảm bảo mỗi lớp có một phòng học riêng, toàn bộ HS được học 02 buổi/ngày [H3-3.2-01].

b) Trường có đủ các phòng học bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, phòng Tin học, Ngoại ngữ... theo quy định [H3-3.2-02].

c) Có các phòng làm việc của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, phòng thư viện – phòng truyền thống [H3-3.2-03], [H3-3.2-04].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho HS học tập [H3-3.2-01], [H3-3.2-02].

b) Khôi phục vụ học tập có thư viện, nhà đa năng, phòng truyền thống, phòng hoạt động Đoàn, các phòng làm việc khu hiệu bộ cơ bản đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường theo quy định [H3-3.2-02], [H3-3.2-04].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo 100% các phòng học được trang bị ti vi. Phòng học bộ môn đảm bảo CSVC về thiết bị theo quy định [H3-3.2-01], [H3-3.2-02], [H3-3.2-05].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng học để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và đảm bảo mỗi lớp có một phòng học riêng.

Các phòng học đều được trang bị tivi có kết nối internet để phục vụ cho quá trình dạy và học.

Nhà trường có đủ phòng học bộ môn, khôi phục vụ học tập theo quy định. Các phòng đều được trang bị đủ bàn ghế, bảng, thiết bị, đồ dùng tối thiểu phục vụ cho các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Số lượng phòng học bộ môn Vật lý, Hóa học, Sinh học còn ít (mỗi bộ môn 1 phòng), thiết bị, ĐDDH trang bị cho các phòng học bộ môn chưa đồng bộ ; phòng học tiếng Anh thiết bị đã xuống cấp ảnh hưởng đến việc dạy và học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục khai thác tốt các tiện ích khối phòng học, phòng học bộ môn và các khối phục vụ học tập để nâng cao hơn nữa công tác giáo dục của nhà trường.

Tích cực tham mưu các cấp đầu tư xây dựng các phòng học bộ môn - thí nghiệm thực hành và các trang thiết bị. Xây dựng kế hoạch mua sắm, sửa chữa, đầu tư phương tiện thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường.

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, NV và HS.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường. Khối phòng hành chính, quản trị gồm 01 phòng HT, 02 phòng PHT, 01 phòng Văn thư, 01 phòng Thư viện, 01 phòng Thiết bị, 01 phòng Đoàn Thanh niên, 01 phòng Đảng ủy-Công đoàn, 01 phòng Dữ liệu, 01 phòng Kế toán, 01 phòng Truyền thống và 01 phòng Hội trường [H3-3.3-01].

b) Trường có nhà để xe riêng cho CB-GV-NV, có 01 khu để xe cho HS đảm bảo đủ diện tích. Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo mỹ quan, an toàn, trật tự. Có NV giữ xe cho HS [H3-3.3-01], [H3-3.3-02].

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị. Hàng năm vào đầu năm học và trước thời điểm thi tốt nghiệp THPT nhà trường thống kê, kiểm tra, sửa chữa, bổ sung CSVC để phục vụ tốt cho việc thực hiện nhiệm vụ năm học [H3-3.3-04], [H3-3.3-05].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị (văn phòng trường, phòng HT, phòng các PHT, phòng y tế, phòng bảo vệ, công đoàn, đoàn thanh niên, ...) theo quy định, đảm bảo an toàn, vệ sinh cho GV, NV và HS [H3-3.3-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Các phòng của HT và PHT, văn thư, kế toán đều được trang bị máy tính, máy in, có kết nối internet với tốc độ cao [H3-3.3-05].

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng làm việc đều được trang bị máy tính có kết nối internet, các khu vực đều được trang bị camera an ninh.

Khối phòng hành chính - quản trị được đầu tư xây dựng khang trang, sạch sẽ, sắp xếp khoa học phục vụ tốt cho công tác quản lý mọi hoạt động chung của nhà trường.

Khu vực vệ sinh của GV, NV và HS sạch sẽ.

3. Điểm yếu

Thiếu một số phòng riêng cho TCM để phục vụ cho nghiên cứu và làm việc.

Diện tích nhà để xe HS chưa đáp ứng đủ nhu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tham mưu các cấp lãnh đạo xây dựng thêm các phòng chức năng cho TCM, tiếp tục mở rộng diện tích nhà để xe cho HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, GV, NV, HS đảm bảo không ô nhiễm môi trường, khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường, hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho GV, NV và HS.

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Có công trình vệ sinh riêng cho CBQL, GV, NV (02 phòng vệ sinh nam – nữ riêng biệt), khu nhà vệ sinh riêng cho HS (nam – nữ riêng biệt), vị trí thuận tiện phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, sạch sẽ [H3-3.4-04].

b) Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của CBQL, GV, NV và HS, hệ thống cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn. Nhà trường có hệ thống máy lọc nước sạch để uống cho HS và cho CBQL, GV, NV [H3-3.4-01].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch của công ty cấp thoát nước Đắk Mil. Hàng tháng, nhà trường đã thanh toán đầy đủ các hóa đơn tiền nước cho công ty. Nước uống phục vụ cho CBQL, GV, NV và HS đảm bảo an toàn vệ sinh. Trường có hợp đồng NV thường xuyên thu gom rác trong phòng học, phòng chức năng và khuôn viên nhà trường, hàng tuần tổ chức cho HS vệ sinh khuôn viên trường [H3-3.4-02], [H3-3.4-03], [H3-3.4-04], [H3-3.4-05].

c) Trường bố trí đầy đủ sọt rác ở mỗi phòng học và khuôn viên nhà trường. Hàng ngày có lao công dọn dẹp và thu gom rác. Nhà trường hợp đồng với công ty môi trường đô thị Đức Lập để thu gom đảm bảo không ảnh hưởng đến HS cũng như các hộ dân lân cận, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.3-01], [H3-3.4-02], [H3-3.4-04], [H3-3.4-05].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.3-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: Sử dụng nguồn nước từ các cơ sở đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt [H3-3.4-01], [H3-3.4-02], [H3-3.4-03], [H3-3.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho CBQL, GV, NV, HS, riêng cho nam và nữ, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ.

Có nguồn nước sạch bố trí ở vị trí thuận tiện, đáp ứng nhu cầu sử dụng của CBQL, GV, NV và HS.

Cung cấp nước uống cho HS đạt tiêu chuẩn, hệ thống thoát nước, thu gom rác, phân loại rác tái sử dụng đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu

Dù nhà trường có 2 khu vệ sinh dành riêng cho HS nhưng diện tích sử dụng còn hạn chế, chưa đủ đáp ứng tốt nhu cầu của đông đảo HS trong trường.

Ý thức của một số HS chưa cao, còn xả rác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường, tuyên truyền ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường cho HS. Hàng năm, có kế hoạch tu sửa các công trình và thiết bị vệ sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường.

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung PPDH và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động dạy và học của nhà trường như: máy Photo, tivi, phòng Lab, phòng thí nghiệm, thực hành, tranh ảnh [H3-3.5-01].

b) Có đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu theo quy định như máy Photo, tivi, phòng Lap, phòng thí nghiệm, thực hành, tranh ảnh [H3-3.5-01].

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa định kì có biên bản kiểm kê và kế hoạch mua sắm sửa chữa phù hợp [H3-3.5-02].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ tốt cho công tác quản lý, hoạt động dạy và học như máy tính tại phòng làm việc của CBQL, của NV hoặc các phòng máy vi tính của HS [H3-3.5-03], [H3-3.5-06].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định của Bộ GD&ĐT, đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường như máy photo, tivi, phòng lab, phòng thí nghiệm, thực hành, tranh ảnh [H3-3.5-01].

Phòng thí nghiệm, phòng thực hành được trang bị đầy đủ thiết bị cho các hoạt động dạy và học diễn ra liên tục trong năm học [H3-3.5-01].

Thiết bị dạy học, thiết bị tự làm được khai thác sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung PPDH và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-05].

c) Hàng năm các thiết bị được bổ sung. Nhà trường khuyến khích GV và HS tự làm thiết bị, ĐDDH [H3-3.5-04].

Mức 3:

Phòng thí nghiệm, phòng thực hành được trang bị đầy đủ thiết bị cho các hoạt động dạy và học diễn ra liên tục trong năm học [H3-3.5-01].

Thiết bị dạy học, thiết bị tự làm được khai thác sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung PPDH và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-05].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường chủ động sửa chữa trang thiết bị văn phòng, kịp thời mua sắm bổ sung trang thiết bị mới phục vụ tốt cho nhu cầu dạy và học cũng như nghiên cứu khoa học của HS.

Hệ thống internet được trang bị đến từng phòng học.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị thí nghiệm, thiết bị thực hành bộ môn đã cũ thiếu đồng bộ nên việc sử dụng trong giảng dạy còn gặp nhiều khó khăn, chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Lập kế hoạch khai thác sử dụng thiết bị thí nghiệm hợp lý đảm bảo cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Tăng cường công tác kiểm tra, có kế hoạch sửa chữa mua bổ sung thiết bị hàng năm để phục vụ cho công tác giảng dạy. Khuyến khích GV và HS làm ĐDDH, tổ chức hội thi làm ĐDDH, thiết bị thí nghiệm.

Tiếp tục đề nghị cấp trên cấp kinh phí mua sắm, sửa chữa và làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục nhằm bổ sung đầy đủ CSVCS dạy học cho nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV, HS.

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, GV, NV và HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường [H3-3.6-01].

b) Thư viện hoạt động đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV, HS [H3-3.6-02].

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-03].

Mức 2:

Thư viện nhà trường đã hoàn thiện hồ sơ đề nghị Sở GD&ĐT công nhận đạt chuẩn. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lí, GV, NV và HS [H3-3.6-04].

Mức 3:

Thư viện nhà trường chưa đạt thư viện tiên tiến. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lí, GV, NV và HS.

2. Điểm mạnh

Thư viện có không gian thoáng mát, rộng rãi đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu giảng dạy của GV và học tập của HS nhà trường.

Hàng năm, thư viện đều được bổ sung về số đầu sách mới nhằm đáp ứng tốt hơn cho học tập và nghiên cứu.

3. Điểm yếu

Số lượng HS đến với thư viện nhà trường chưa nhiều, chưa khai thác hết được vốn tài liệu có trong thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thực hiện tốt công tác giới thiệu sách mới.

Liên hệ với các nhà xuất bản, các công ty sách và thiết bị trường học trao đổi, mượn tài liệu bổ sung cho thư viện thêm phong phú, nhằm mục đích thu hút bạn đọc đến với thư viện ngày càng nhiều.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

1. Điểm mạnh

Được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, CMHS, nhất là sự quan tâm của Sở GD&ĐT Đắk Nông, nhà trường đã huy động nhiều nguồn lực, trong đó có nguồn xã hội hóa để từng bước đầu tư CSVC, thiết bị dạy học ngày càng hiện đại; cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn đáp ứng cơ bản yêu cầu đổi mới PPDH, kiểm tra đánh giá chất lượng các mặt giáo dục trong nhà trường.

2. Điểm yếu

Trường thành lập từ năm 1982, được đầu tư xây dựng nhiều giai đoạn, hiện nay một số hạng mục công trình và các trang thiết bị dạy học đã dần xuống cấp, ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục, còn thiếu một số phòng chức năng như phòng âm

nhạc, mỹ thuật, phòng sinh hoạt bộ môn, phòng thực hành..., cần được các cấp quan tâm nhiều hơn nữa để đáp ứng triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 5/6 tiêu chí chiếm 83,4 %.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trong những năm qua, nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo của cấp ủy, sự quan tâm của Sở GD&ĐT và sự phối hợp hiệu quả giữa nhà trường và Ban Đại diện CMHS đang phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác vận động tài trợ, hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học. Hằng năm, Ban đại diện CMHS các lớp và Ban đại diện CMHS trường được thành lập và hoạt động theo đúng quy định. Nhà trường tạo mọi điều kiện tốt nhất để Ban đại diện CMHS phát huy quyền, trách nhiệm và nhiệm vụ của mình. Ban đại diện CMHS họp định kỳ và đột xuất, bàn bạc thống nhất quy chế hoạt động, phối hợp với nhà trường, tạo điều kiện tốt nhất cho con em học tập, rèn luyện đạt kết quả cao. Nhà trường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện từ các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để bổ sung CSVC, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng HS học giỏi, HS có thành tích xuất sắc, hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho HS và thực hiện tốt mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

Bên cạnh đó, trong công tác phối hợp cũng gặp một số khó khăn như: điều kiện sống, mặt bằng dân trí của các gia đình không đồng đều, một số CMHS còn trông chờ, ỷ lại cho nhà trường trong công tác giáo dục HS. Hoạt động của Ban đại diện CMHS ở một số lớp và một số tổ chức đoàn thể ở địa phương thiếu chủ động và sáng tạo. Vì vậy, cần phải phối hợp ngày càng tốt hơn mối quan hệ giữa nhà trường với gia đình và xã hội để tạo được một môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, mang lại hiệu quả cao trong giáo dục.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ HS

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật,

chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; huy động HS đến trường, vận động HS đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, trong cuộc họp CMHS lớp được toàn thể CMHS nhất trí đề cử Ban đại diện CMHS của các lớp gồm 3 thành viên. Ban đại diện CMHS nhà trường có 7 thành viên, được thành lập theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011) [H4-4.1-01], [H4-4.1-02].

b) Ngay sau khi thành lập, Ban đại diện CMHS đã họp, bám sát kế hoạch hoạt động của nhà trường để thống nhất xây dựng kế hoạch hoạt động trong cả năm học, với các nội dung cụ thể như: xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể của Ban đại diện cha mẹ HS trong năm học, các quy chế phối hợp để triển khai thực hiện [H4-4.1-03], [H4-4.1-04].

c) Ban đại diện CMHS tổ chức thực hiện các nội dung trong kế hoạch đúng tiến độ, phối hợp với nhà trường khen thưởng HS có thành tích trong học tập và rèn luyện trong các dịp thi đua chào mừng các ngày lễ lớn, cuối học kì I và cuối năm học, hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn nỗ lực vươn lên trong học tập [H4-4.1-01], [H4-4.1-05].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, tổ chức các cuộc họp CMHS vào đầu năm, giữa kì và cuối năm học để nắm bắt tình hình hoạt động của nhà trường, kết quả xếp loại hai mặt giáo dục HS, kịp thời đóng góp ý kiến và giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục cho nhà trường [H4-4.1-01], [H4-4.1-05].

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục, tổ chức ký cam kết để giáo dục HS chấp hành nội quy, quy định của nhà trường. Đồng thời nhà trường còn tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ HS trong các cuộc họp, hội nghị [H4-4.1-04], [H4-4.1-06], [H4-4.1-07].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS trường gồm những người có uy tín trong địa phương, làm việc có trách nhiệm, nhiệt tình. Các thành viên trong Ban đại diện CMHS luôn tích cực trong công tác xã hội hóa giáo dục, quan tâm hỗ trợ kịp thời cho HS có hoàn cảnh khó khăn trong quá trình học tập.

Nhà trường và Ban đại diện CMHS trường thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin về học tập, rèn luyện và các hoạt động giáo dục trong nhà trường để triển khai thực hiện thống nhất theo kế hoạch.

Ban đại diện CMHS luôn hỗ trợ một phần kinh phí cho các hoạt động học tập, rèn luyện của HS, như: khen thưởng học sinh giỏi, trao học bổng HS nghèo vượt khó; thi HS giỏi cấp tỉnh, Olympic khu vực, ngoại khóa,...

3. Điểm yếu

Một số phụ huynh chưa quan tâm đúng mức trong việc giáo dục con em nên thường phó mặc cho nhà trường. Ban đại diện CMHS một số lớp hoạt động chưa thực sự tích cực nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hướng dẫn Ban đại diện CMHS chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp trong mọi hoạt động của năm học, đặc biệt là trong công tác giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống cho HS.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong mỗi năm học, nhà trường luôn chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch giáo dục, các biện pháp tổ chức các hoạt động giáo dục để phát triển nhà trường [H4-4.2-01], [H4-4.2-02].

b) Trong các Hội nghị CMHS, các cuộc họp tại địa phương, cuộc họp đảng ủy mở rộng, trên các phương tiện thông tin, nhà trường tuyên truyền về chiến lược, mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường, về chủ trương chính sách của

Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục để các lực lượng xã hội hiểu và nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc giáo dục HS, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện [H4-4.2-03], [H4-4.2-08].

c) Hằng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế, nhà trường đã xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân. Căn cứ vào kết quả huy động, nhà trường xây dựng kế hoạch và sử dụng theo đúng quy định để tăng cường CSVC, phương tiện thiết bị dạy học, hỗ trợ các hoạt động giáo dục, khen thưởng HS, hỗ trợ HS có hoàn cảnh gia đình khó khăn được đến trường [H4-4.1-05].

Mức 2:

a) Hằng năm, Hội đồng trường họp rà soát việc thực hiện chiến lược phát triển nhà trường trên cơ sở đó tham mưu với cấp ủy Đảng, Hội đồng trường có những điều chỉnh cần thiết, tăng cường CSVC, đề xuất các chủ trương đường lối phù hợp nhằm thực hiện có hiệu quả, đúng lộ trình các nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H4-4.2-01], [H4-4.2-05], [H4-4.2-09].

b) Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; thăm hỏi Mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn [H4-4.2-04], [H4-4.2-06].

Mức 3:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phối hợp với các đoàn thể thực hiện các hoạt động giáo dục; nhiều năm liền nhà trường đạt danh hiệu cơ quan văn hóa và là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương. Trong 05 năm qua, đến thời điểm đánh giá, CSVC của nhà trường ngày càng khang trang, môi trường giáo dục ngày càng an toàn, lành mạnh; phụ huynh quan tâm nhiều đến hoạt động của trường, lớp và HS [H4-4.2-07], [H4-4.2-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Sở Giáo dục và phối hợp với các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm để xây dựng và phát triển nhà trường theo kế hoạch chiến lược; phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong và ngoài nhà trường về công tác giáo dục HS.

3. Điểm yếu

Việc huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân còn hạn chế so với thực tế nhu cầu giáo dục trong nhà trường. Sự tham gia của cộng đồng, nhân dân trên địa bàn cùng với nhà trường để xây dựng nhà trường thành trung tâm về văn hóa, giáo dục còn ở mức khiêm tốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục tuyên truyền để nâng cao nhận thức về trách nhiệm của cộng đồng đối với sự nghiệp giáo dục, nâng cao chất lượng công tác huy động các nguồn lực để xây dựng nhà trường theo phương hướng, chiến lược giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Phối hợp có chất lượng và hiệu quả với tổ chức đoàn thể, các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân, đặc biệt là lực lượng cựu HS của nhà trường để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

1. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả với CMHS, các nhà hảo tâm, lực lượng xã hội, cựu HS đã kịp thời động viên nhiều HS giỏi, HS nghèo vượt khó, HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Công tác xã hội hoá giáo dục đã thu được một số kết quả tích cực góp phần đầu tư CSVC, cảnh quan của nhà trường. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội đã được duy trì thường xuyên.

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong những năm qua đã góp phần giúp nhà trường thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học đạt được những thành tích tốt, khuyến khích động viên có hiệu quả hoạt động dạy và học.

2. Điểm yếu

Ban đại diện CMHS nhiệt tình nhưng thiếu điều kiện về thời gian hoạt động. Một số CMHS chưa tích cực phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục con em. Việc thực hiện quy chế phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường chưa đạt hiệu quả mong muốn.

Vẫn còn một số phụ huynh quan tâm chưa đúng mức đến việc học tập của con em nên công tác phối hợp giáo dục HS hiệu quả chưa cao.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 2/2 tiêu chí chiếm 100 %.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong các năm học qua, chất lượng giáo dục của nhà trường đạt kết quả tốt; đặc biệt tỷ lệ HS tốt nghiệp THPT luôn đạt trên mức bình quân chung của tỉnh. Chất lượng đại trà được giữ vững và nâng cao, nhà trường có đội tuyển HS giỏi và hàng năm luôn đạt kết quả tốt qua các kỳ thi cấp tỉnh, khu vực. Nhà trường luôn quan tâm đến giáo dục đạo đức, lối sống cho HS.

Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức tốt các hoạt động ngoại khoá, câu lạc bộ, giáo dục STEM,... có tác dụng rèn luyện các kỹ năng sống cho HS, giúp cho HS phát triển một cách toàn diện về trí, đức, thể, mỹ.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá HS đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS;

b) Phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần đầy đủ, kịp thời và khoa học. Đầu năm học, HT tổ chức cuộc họp để triển khai nhiệm vụ, kế hoạch thời gian năm học theo quy định của Bộ GD&ĐT, của Sở GD&ĐT. HT chỉ đạo cho chuyên môn tổ chức cho GV bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng để tổ chức giảng dạy theo phân công đã quy định [H5-5.1-01], [H5-5.1-02], [H5-5.1-03], [H5-5.1-04], [H5-5.1-07].

b) Hàng năm, nhà trường tổ chức tập huấn đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động dạy học. Xây dựng kế hoạch đổi mới PPDH, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao khả năng tự học, hoạt động nhóm, khả năng TĐG, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS [H5-5.1-03], [H5-5.1-05], [H5-5.1-06], [H5-5.1-07], [H5-5.1-13].

c) Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá đa dạng đảm bảo khách quan, hiệu quả: đối với các bài kiểm tra thường xuyên, nhà trường và các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra bằng nhiều hình thức, trong đó kết hợp giữa câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận phù hợp, kiểm tra nói (đối với bộ môn ngoại ngữ) [H5-5.1-12], [H5-5.1-13], [H5-5.1-14], [H5-5.1-15], [H5-5.1-16].

Mức 2:

a) Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng, điều chỉnh, thống nhất phân phối chương trình. Tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, chương trình giảm tải phù hợp khả năng nhận thức của HS [H5-5.1-04], [H5-5.1-07], [H5-5.1-09].

Hàng tháng, HT và các TTCM tiến hành rà soát, đánh giá và cải tiến các biện pháp thực hiện các kế hoạch đã đề ra; phân công, phối hợp và điều chỉnh kế hoạch một cách hợp lý; HT chỉ đạo kiểm tra để có giải pháp khắc phục kịp thời những

trường hợp tổ chức dạy học không đúng với kế hoạch năm học [H5-5.1-01], [H5-5.1-02], [H5-5.1-08], [H5-5.1-09], [H5-5.1-14].

b) Nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, HS năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập [H5-5.1-01], [H5-5.1-02], [H5-5.1-03], [H5-5.1-05], [H5-5.1-11].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường và các tổ chuyên môn rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS [H5-5.1-05], [H5-5.1-12].

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn, GV luôn quan tâm công tác đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá để phù hợp với năng lực HS.

CSVC, trang thiết bị luôn được quan tâm đầu tư để đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH, kiểm tra đánh giá.

Xây dựng kế hoạch năm học của các tổ, bộ phận trong nhà trường đầy đủ, có đổi mới.

3. Điểm yếu

Do tình hình dịch bệnh covid-19, điều kiện CSVC chưa đảm bảo, đội ngũ GV chưa được đào tạo chuyên sâu nên chương trình hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp thực hiện chưa được đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đầu tư CSVC đáp ứng yêu cầu đổi mới cho các hoạt động dạy học, đội ngũ GV được phân công phụ trách dạy học chương trình hướng nghiệp, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm chủ động bồi dưỡng chuyên môn đáp ứng nhiệm vụ.

Thống kê và so sánh chất lượng HS đầu kỳ, đầu năm so với cuối kỳ, cuối năm để có giải pháp cải tiến phương pháp giúp đỡ HS học lực yếu, kém.

Nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng HS giỏi; nâng cao chất lượng tập huấn, bồi dưỡng GV.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 2:

HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục

Mức 3:

Nhà trường có HS năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.2-01], [H5-5.2-04], [H5-5.2-05], [H5-5.2-06], [H5-5.2-10].

b) Nhà trường tổ chức rà soát phân loại HS có năng khiếu, HS có học lực yếu và chỉ đạo cho các GVBM tổ chức bồi dưỡng năng khiếu, ôn thi tốt nghiệp, phụ đạo HS yếu kém [H5-5.2-01], [H5-5.2-02], [H5-5.2-03], [H5-5.2-06], [H5-5.2-11].

c) Nhà trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá các hoạt động giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện [H5-5.2-08], [H5-5.2-09], [H5-5.2-11].

Mức 2:

Nhà trường có HS năng khiếu về các môn văn hóa, thể thao, nghệ thuật, HS giỏi đã được chú trọng bồi dưỡng theo kế hoạch đề ra và đã đạt được kết quả tốt trong các kỳ thi được Sở GD&ĐT, nhà trường công nhận và khen thưởng [H5-5.2-01], [H5-5.2-06], [H5-5.2-09], [H5-5.2-11].

HS có hoàn cảnh khó khăn, HS gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được hỗ trợ, giúp đỡ, đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H5-5.2-02], [H5-5.2-03], [H5-5.2-11].

Mức 3: Nhà trường có HS năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận [H5-5.2-11].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường tuyển sinh được một số lượng lớn HS có năng khiếu về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.

Đội ngũ GV nhà trường có nhiều kinh nghiệm trong công tác bồi dưỡng để phát huy năng khiếu, sở trường của HS.

3. Điểm yếu

Kinh phí nhà trường còn hạn hẹp nên khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện bồi dưỡng, phát huy năng khiếu HS. HS tham dự kỳ thi chọn HS giỏi cấp tỉnh chất lượng giải đạt được chưa cao, chưa có HS đạt giải cấp quốc gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Chú trọng công tác tuyển sinh đầu vào nhằm thu hút HS có năng khiếu về văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, năng lực học tập tốt vào trường.

Nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng HS giỏi, HS năng khiếu.

Tăng cường vận động xã hội hóa giáo dục, phát huy sức mạnh của các mạnh thường quân, của các tổ chức ủng hộ nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho HS được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá HS về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện tốt chương trình giáo dục địa phương theo quy định ở các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp [H5-5.3-01], [H5-5.3-03], [H5-5.3-04], [H5-5.3-05].

b) Xây dựng kế hoạch năm học có nội dung kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt định kỳ hoặc đột xuất, từ đó chỉ đạo, điều chỉnh kịp thời trong quá trình triển khai thực hiện [H5-5.3-01], [H5-5.3-05].

c) Rà soát, đề xuất việc xây dựng và thực hiện chương trình, tài liệu giáo dục địa phương cấp tỉnh: các bộ môn Địa lí và Giáo dục công dân có GV tham gia biên soạn, chỉnh sửa tài liệu giáo dục địa phương [H5-5.3-05].

Mức 2:

Thực hiện tốt nội dung giáo dục địa phương, góp phần thực hiện mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H5-5.3-01], [H5-5.3-05], [H5-5.3-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 02 GV tham gia biên soạn chương trình giáo dục địa phương của tỉnh nên thuận lợi trong việc tập huấn, giảng dạy chương trình giáo dục địa phương.

3. Điểm yếu

Kinh nghiệm của GV dạy học bộ môn giáo dục địa phương còn ít nên việc thực hiện, góp ý đề xuất chỉnh sửa, điều chỉnh chương trình, nội dung giáo dục địa phương còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

GVBM chủ động nghiên cứu kỹ tài liệu giáo dục địa phương, sưu tầm các tư liệu có giá trị để nâng cao chất lượng giảng dạy bộ môn.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương của các bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

- a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;
- b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;
- c) Phân công, huy động GV, NV trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

- a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp HS và đạt kết quả thiết thực;
- b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS cả 03 khối lớp theo quy định gắn với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương [H5-5.4-01], [H5-5.4-02], [H5-5.4-03], [H5-5.4-04], [H5-5.4-07].

b) Nhà trường tổ chức dạy hướng nghiệp cho HS theo đúng quy định, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho 100% HS theo đúng phân phối chương trình [H5-5.4-02].

c) Nhà trường phân công GVCN phối hợp với Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS [H5-5.4-05], [H5-5.4-06], [H5-5.4-08], [H5-5.4-09].

Mức 2:

a) Thông qua các buổi chào cờ, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp hay tích hợp trong các tiết dạy, phối hợp các Trung tâm hướng nghiệp, các trường Đại học,... nhằm nâng cao nhận thức và hành động cho HS [H5-5.4-05], [H5-5.4-06], [H5-5.4-07], [H5-5.4-08].

b) Thông qua sơ kết, tổng kết để đánh giá kết quả tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp để điều chỉnh kịp thời [H5-5.4-04], [H5-5.4-09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nên góp phần quan trọng trong giáo dục nhân cách toàn diện HS.

BCH đoàn trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao nhân dịp các ngày kỷ niệm 15/10, 20/10, 20/11, 22/12, 09/01, 26/3 như: các giải bóng đá, bóng chuyên, hội diễn văn nghệ, sinh hoạt chủ điểm với các trò chơi tập thể, trò chơi dân gian, gian hàng ẩm thực...; tham quan, chăm sóc di tích Nhà ngục Đắc Mil, viếng nghĩa trang liệt sỹ, thăm hỏi, tặng quà cho Mẹ Việt Nam anh hùng.

Thông qua hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, HS có cơ hội tìm hiểu, lựa chọn ngành nghề phù hợp sở thích, năng lực của mình. Kết quả: tỷ lệ HS lớp 12 hàng năm đăng ký vào các trường Đại học, Cao đẳng trên 50%, HS đăng ký các trường đào tạo nghề khoảng 35%.

3. Điểm yếu

Tài liệu hướng dẫn hoạt động trải nghiệm còn ít, GV chưa có kinh nghiệm trong tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Kinh phí dành cho HS tham gia các hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phối hợp với Đoàn thanh niên thông qua các buổi chào cờ, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tập thể nhằm giáo dục kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp cho HS; tuyên truyền tác hại các trò chơi trực tuyến, mặt trái của mạng xã hội.

Tham gia các lớp tập huấn tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp do Bộ Giáo dục và Sở Giáo dục tổ chức để nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, GV; tăng cường tài liệu hướng dẫn hoạt động trải nghiệm.

Phối hợp với CMHS và kêu gọi các nguồn tài trợ hợp pháp tổ chức cho HS tham quan các di tích lịch sử, các trường Đại học, các doanh nghiệp, mô hình kinh tế nhằm giúp các em trải nghiệm và định hướng nghề nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho HS

Mức 1:

- a) Có kế hoạch định hướng giáo dục HS hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của HS, điều kiện nhà trường và địa phương;
- b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho HS có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;
- c) Đạo đức, lối sống của HS từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

- a) Hướng dẫn HS biết TĐG kết quả học tập và rèn luyện;
- b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của HS từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, HS có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

cho HS. Nội dung cụ thể được thông qua các giờ chào cờ, giờ ngoại khóa, các giờ học trên lớp, trong các giờ sinh hoạt. Kế hoạch định hướng giáo dục HS hình thành và phát triển kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của HS và điều kiện nhà trường [H5-5.5-02], [H5-5.5-03], [H5-5.5-07], [H5-5.5-08], [H5-5.5-10].

b) Thông qua quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật, HS đã có nhiều chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục, số HS có khả năng thực hành kỹ năng sống đã có nhiều chuyển biến, biết vận dụng các kỹ năng rèn luyện được để xử lý các tình huống trong thực tiễn cuộc sống, trong học tập [H5-5.5-10].

c) Quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của HS thông qua các hoạt động giáo dục đã đạt được nhiều chuyển biến tích cực, đạo đức, lối sống của HS từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam, không có HS vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật hay mắc các tệ nạn xã hội [H5-5.5-06], [H5-5.5-09].

Mức 2:

a) Trong quá trình dạy học GV đã hướng dẫn và tổ chức cho HS biết TĐG kết quả học tập và rèn luyện của bản thân, từ đó HS biết cách đưa ra được các nhận định cho bản thân để có hướng tự điều chỉnh cho phù hợp [H5-5.5-03], [H5-5.5-05], [H5-5.5-06], [H5-5.5-07].

b) Qua quá trình học tập, đa số HS đã biết vận dụng kiến thức vào các hoạt động thực tiễn, vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống trong cuộc sống, phát huy được hiệu quả của việc vận dụng kỹ năng sống [H5-5.5-03], [H5-5.5-07], [H5-5.5-09], [H5-5.5-10].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đều triển khai cuộc thi khoa học kỹ thuật theo đúng văn bản hướng dẫn, tổ chức cho HS thi khoa học kỹ thuật từ cấp trường, HS tham gia nhiệt tình, tích cực, đã có nhiều sản phẩm thi khoa học có ý nghĩa và đặc biệt đã có những sản phẩm có chất lượng được đăng ký đi dự thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh, cấp quốc gia [H5-5.5-01], [H5-5.5-05].

2. Điểm mạnh

Cuộc thi khoa học kỹ thuật được tổ chức đúng quy trình, hàng năm đều có HS tham gia và nghiên cứu, GV tích cực hướng dẫn HS. Kết quả là các năm học đều có các dự án đạt giải cấp tỉnh.

3. Điểm yếu

Vẫn còn một số HS có khả năng vận dụng kiến thức đã học qua các hoạt động giáo dục vào thực tiễn trong cuộc sống chưa tốt.

Việc triển khai thi khoa học kỹ thuật còn gặp nhiều khó khăn, GV không chuyên về nghiên cứu khoa học, HS còn hạn chế khả năng tự nghiên cứu, kinh phí hỗ trợ cho các dự án khoa học kỹ thuật còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường cần xây dựng kế hoạch hợp lý để tổ chức tốt các hoạt động rèn luyện cho HS qua đó hình thành tốt hơn nữa về kỹ năng sống.

Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa để HS được tham gia nhiều hơn, qua đó hình thành kỹ năng và biết cách vận dụng kỹ năng vào cuộc sống.

Phối hợp với các trung tâm, các trường Đại học hỗ trợ, giúp đỡ GV và HS của nhà trường trong nghiên cứu khoa học.

Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp, cân đối các nguồn kinh phí được cấp để có thêm nguồn lực tài chính đảm bảo cho hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm HS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho HS đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS:
 - Tỷ lệ HS xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường THPT (hoặc cấp THPT) và 20% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ HS xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường THPT (hoặc cấp THPT) và 25% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ HS xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường THPT (hoặc cấp THPT) và 55% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ HS xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường THPT (hoặc cấp THPT) và 60% đối với trường chuyên.
 - Tỷ lệ HS xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường THPT (hoặc cấp THPT), trường chuyên không có HS yếu, kém.
 - Tỷ lệ HS xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường THPT (hoặc cấp THPT), trường chuyên không có HS yếu, kém.;
 - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

- Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường THPT (hoặc cấp THPT) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ HS bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% HS bỏ học, không quá 05% HS lưu ban; trường chuyên không có HS lưu ban và HS bỏ học.

- Các vùng còn lại: Không quá 01% HS bỏ học, không quá 02% HS lưu ban; trường chuyên không có HS lưu ban và HS bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm đạt được đảm bảo so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra đầu năm học. Trong 5 năm, từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022 kết quả về học lực và hạnh kiểm đều đạt chỉ tiêu đề ra và đáp ứng đủ yêu cầu [H5-5.6-01], [H5-5.6-02], [H5-5.6-05], [H5-5.6-08], [H5-5.6-09].

b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp THPT các năm đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra [H5-5.6-01].

- Tỷ lệ HS lên lớp (sau thi lại) đạt trên 98% [H5-5.6-01].

- Tỷ lệ HS tốt nghiệp THPT qua các năm trên 97% [H5-5.6-01].

c) Triển khai thực hiện đề án phân luồng HS sau tốt nghiệp THPT, nhà trường thực hiện tốt công tác tư vấn hướng nghiệp, HS định hướng nghề nghiệp theo năng lực, sở thích. Kết quả qua các năm tỷ lệ HS đăng ký vào các trường Đại học có xu hướng giảm, tỷ lệ HS học nghề có xu hướng tăng [H5-5.6-03], [H5-5.6-07].

Mức 2:

a) Kết quả xếp loại học lực tăng tỷ lệ khá, giỏi, giảm tỷ lệ yếu, kém. Kết quả xếp loại hạnh kiểm tăng tỷ lệ khá, tốt, giảm tỷ lệ HS xếp loại trung bình, yếu [H5-5.6-01], [H5-5.6-05], [H5-5.6-08], [H5-5.6-09].

b) Tỷ lệ HS bỏ học và lưu ban giảm qua các năm và đều đạt quy định. Trong đó, HS bỏ học đều dưới 1%, HS lưu ban trung bình 1,5%. [H5-5.6-01], [H5-5.6-05], [H5-5.6-09].

Mức 3:

a) Trong quá trình giảng dạy, nhà trường đã có nhiều cố gắng và nỗ lực, kết quả đạt được cuối năm của trường THPT Đắk Mil năm 2021 - 2022 đã đạt kế hoạch chỉ tiêu:

+ Học lực giỏi: 15 % vượt chỉ tiêu so với quy định 5,0%.

+ Học lực khá: 50,6% vượt chỉ tiêu so với quy định 25,6%.

+ Học lực yếu, kém: 1,53% vượt chỉ tiêu so với quy định 3,47%.

+ Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt 98,97% vượt chỉ tiêu so với quy định 8,97% [H5-5.6-01], [H5-5.6-04].

b) Tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp THPT các năm đều đạt so với kế hoạch đề ra.

Trong 5 năm từ năm học 2017 - 2018 đến năm học 2021 - 2022 tỉ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực.

Cụ thể:

+ Tỉ lệ tốt nghiệp đạt 98,4 % (đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch năm học) [H5-5.6-01], [H5-5.6-02], [H5-5.6-06], [H5-5.6-07], [H5-5.6-08].

+ Tỉ lệ HS lên lớp trong 5 năm tăng đạt trên 98,5% [H5-5.6-01].

2. Điểm mạnh

Kết quả xếp loại về học lực của HS các khối lớp đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục, chỉ tiêu của Sở GD&ĐT và nhà trường đề ra. Nhà trường luôn duy trì được đội tuyển HS giỏi theo kế hoạch, kết quả HS giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, thể dục - quốc phòng hàng năm đều trong top đầu của tỉnh. HS lên lớp và tốt nghiệp đạt chỉ tiêu đăng ký. Làm tốt công tác hướng nghiệp, tư vấn phân luồng đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Đội ngũ GV có năng lực chuyên môn tốt, năng nổ, nhiệt tình. HS chăm ngoan, có ý thức tốt, đam mê trong bồi dưỡng HS giỏi, nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

3. Điểm yếu

Số lượng HS đạt giải trong kì thi quốc gia chưa cao.

Vẫn còn một số HS có học lực yếu, vi phạm nội quy trường lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyên môn hợp lý, phân công chuyên môn GV phù hợp với năng lực để phát huy tốt hiệu quả giảng dạy.

Tổ chức tốt việc khảo sát phân loại HS ngay từ đầu năm học, từ đó xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi và phụ đạo HS yếu kém đảm bảo hiệu quả.

Tăng cường nguồn kinh phí từ ngân sách và các nguồn tài trợ hợp pháp để chi cho công tác khen thưởng, hỗ trợ nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

1. Điểm mạnh

Trong những năm qua, nhà trường luôn thực hiện đúng các quy định về chuyên môn theo chương trình của Bộ GD&ĐT; chỉ đạo chuyên môn của Sở GD&ĐT. Từ đó đề ra kế hoạch chuyên môn cụ thể của từng năm học sát với tình hình thực tế và thực hiện đúng khung thời gian năm học của tỉnh đề ra. Cuối mỗi kỳ, mỗi năm học đều có sơ kết, tổng kết, rà soát, đánh giá kết quả đã đạt được.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy là phương châm hàng đầu trong cả quá trình hoạt động giáo dục của nhà trường. GV đã phát huy vai trò chủ đạo trong việc hướng dẫn HS chủ động, tích cực tiếp thu và áp dụng kiến thức kỹ năng vào thực tiễn cuộc sống.

Công tác bồi dưỡng HS giỏi và phụ đạo HS yếu kém được nhà trường rất quan tâm. Vào đầu mỗi năm học, căn cứ vào kết quả vào năm học trước để tổ chức biên chế lớp phù hợp, chỉ đạo các tổ chuyên môn, GV soạn giảng phù hợp với từng đối

tượng HS, chú trọng công tác bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém. Vì vậy, tỷ lệ HS yếu kém ngày càng giảm. Số lượng HS giỏi các cấp có bước phát triển đáng kể.

Việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương được nhà trường, tổ chuyên môn và GV rất quan tâm, xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng.

Các hoạt động văn nghệ, thể thao trong nhà trường được tổ chức thường xuyên theo chủ đề, chủ điểm từng tháng. Vấn đề giáo dục kỹ năng sống cho HS được đặc biệt chú trọng, thông qua các tiết dạy trên lớp và các nội dung hoạt động ngoại khóa đã hình thành cho HS những kỹ năng sống trong thực tiễn.

Lãnh đạo nhà trường và GVCN luôn giáo dục HS ý thức xây dựng trường học thân thiện, xanh, sạch, đẹp. Vì vậy HS luôn tích cực tham gia vệ sinh trường, lớp và giữ gìn cảnh quan của trường.

Hoạt động học tập của HS đã đi vào chiều sâu và đạt được kết quả tốt. Tỷ lệ HS yếu kém ngày càng giảm, tỷ lệ khá, giỏi ngày càng tăng. Tư tưởng, đạo đức của HS ngày càng có sự chuyển biến rõ rệt theo hướng tích cực. Tỷ lệ HS xếp loại khá, tốt về hạnh kiểm hàng năm đạt trên 98%.

Việc tham gia các kỳ thi khoa học kỹ thuật, sáng tạo trẻ, khởi nghiệp thanh thiếu niên, nhi đồng được nhà trường chú trọng và đạt nhiều giải cấp tỉnh.

Việc học nghề và giáo dục hướng nghiệp được nhà trường rất quan tâm, tỷ lệ HS học nghề khối 11 đạt 100%, tỷ lệ tốt nghiệp nghề đạt 100%.

Tóm lại, hoạt động giáo dục trong nhà trường hằng năm đạt được kết quả cao, có nhiều HS đạt giải trong các kỳ thi HS giỏi các môn văn hóa các cấp, Hội khỏe Phù Đổng nhiều năm liền đứng thứ Ba toàn đoàn khối THPT, Hội thi quốc phòng – an ninh luôn xếp thứ Ba toàn đoàn; thi KHKT, sáng tạo trẻ đạt kết quả cao, tỷ lệ HS tốt nghiệp THPT đạt trên 97%.

2. Điểm yếu

Bên cạnh những thành tích đạt được trong những năm học vừa qua, nhà trường cũng không tránh khỏi những khó khăn như: một số CBGV ứng dụng CNTT và giảng dạy còn hạn chế, việc đổi mới PPDH chưa theo kịp yêu cầu; một số ít HS chưa ham học; kỹ năng sống của một số ít HS còn hạn chế; kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động TDTT, văn nghệ còn chưa đáp ứng được nhu cầu.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4: Không đạt

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Đạt Mức 1: (28/28) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 2: (28/28) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 3: (25/28) tiêu chí chiếm 89.3 %

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

+ Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Qua quá trình TĐG, đối chiếu với các tiêu chí, nhà trường tự nhận thấy các tiêu chuẩn có những hiện trạng cơ bản như sau:

- Về tổ chức và quản lý nhà trường

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường phổ thông. Thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, chấp hành nghiêm chỉnh sự chỉ đạo quản lý của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, làm tốt công tác thi đua khen thưởng đối với cán bộ, GV, NV và HS, đảm bảo trung thực, khách quan, công bằng tạo được động lực thúc đẩy cán bộ, GV, NV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Về cán bộ quản lý, GV, NV và HS

HT và các PHT có trình độ đào tạo trên chuẩn, có năng lực chuyên môn vững vàng, năng lực quản lý lãnh đạo chỉ đạo và tổ chức hoạt động của nhà trường. Tập thể cán bộ, GV, NV nhà trường là một khối đoàn kết. Nhà trường có 15% cán bộ quản lý, GV có trình độ trên chuẩn, luôn tạo điều kiện tốt về mọi mặt cho cán bộ quản lý, GV, NV yên tâm công tác, phân công chuyên môn hợp lý nên phát huy được năng lực và sở trường của từng cán bộ, GV, NV; quan tâm đúng mức đến công tác đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ; đảm bảo các quyền lợi về vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ, GV, NV theo đúng quy định của pháp luật; có biện pháp phù hợp đẩy mạnh phong trào tự học, tự bồi dưỡng trong cán bộ quản lý, GV, NV.

- Về CSVC và trang thiết bị dạy học

Nhà trường có tổng diện tích là 20.088 m² đã được cấp phép sử dụng đất lâu dài, bình quân 15m²/HS. Trường có tường bao, cổng trường, biển trường; môi trường xanh, sạch, đẹp, thân thiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT; có các phòng chức năng cần thiết phục vụ cho học tập, phòng học khang trang, có trang thiết bị dạy học, có đủ các phương tiện như máy tính, máy in, máy chiếu phục vụ công tác quản lý dạy học, giáo dục HS. Nhà trường có sân chơi, bãi tập, khu nhà để xe của GV, HS.

- Về quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ và thường xuyên phối hợp với Ban đại diện CMHS của trường, của lớp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài

nhà trường. GV phụ trách lớp thường xuyên, tích cực, chủ động trao đổi thông tin với CMHS về kết quả giáo dục HS để phối hợp cùng CMHS có biện pháp giáo dục HS một cách phù hợp, hiệu quả.

- Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, có hiệu quả chương trình giáo dục và kế hoạch năm học, chú trọng xây dựng kỷ cương nề nếp dạy - học cũng như các hoạt động chuyên môn, đặc biệt quan tâm đến công tác nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục toàn diện. HS của nhà trường chủ động tích cực trong các hoạt động học tập, có ý thức tự quản, có kỹ năng sống, mạnh dạn, lễ phép, đoàn kết yêu thương. Hằng năm, HS đạt danh hiệu HS giỏi, HS tiên tiến và số học sinh được khen thưởng đạt tỷ lệ cao. Tỷ lệ HS giỏi cấp tỉnh, khu vực luôn nằm trong tốp đầu của tỉnh. Phong trào rèn luyện thể thao được chú trọng. HS nhà trường có ý thức bảo vệ môi trường, thực hiện tốt quy định an toàn giao thông.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ GD&ĐT, trường THPT Đắk Mil TĐG đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc gia.

Đắk Mil, ngày 30 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG